

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2024
“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Phước Tỷ**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Hồng P**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp MC, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG. (*có mặt*)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp VT, xã HC, huyện UMT, tỉnh KG. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng P trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến ngày 14/7/2011 thì vợ chồng đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện

UMT, tỉnh KG. Quá trình chung sống đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh C ham mê rượu chè thường xuyên say xỉn, còn có tính lăng nhăng bên ngoài làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị và anh C sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Suốt thời gian qua, chị và anh C không còn giữ liên lạc với nhau, cũng không còn quan tâm đến cuộc sống riêng tư của nhau nữa. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/5/2012, giới tính nam và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 11/8/2014, giới tính nữ. Chị P một mình chăm sóc, nuôi dưỡng con từ năm 2017 cho đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Chị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện UMT, tỉnh KG. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh KG xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị P và anh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện UMT, tỉnh KG vào ngày 14/7/2011 nên quan hệ hôn nhân của Chị P và anh C là hợp pháp.

Chị P yêu cầu ly hôn với anh C, lý do theo Chị P cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh C ham mê rượu chè thường xuyên say xỉn, còn có tính lăng nhăng bên ngoài làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị P và anh C sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Suốt thời gian qua Chị P và anh C không còn giữ liên lạc với nhau, cũng không còn quan tâm đến cuộc sống riêng tư của nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc Chị P yêu cầu ly hôn với anh C và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Tuy nhiên anh C không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của Chị P, trong các lần Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh C đều vắng mặt.

Xét thấy Chị P và anh C không còn sống chung với nhau trong thời gian dài từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho Chị P được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/5/2012, giới tính nam và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 11/8/2014, giới tính nữ.

Xét thấy các con được Chị P nuôi dưỡng từ năm 2017 cho đến nay, được chăm sóc tốt. Tại bản tự khai các con cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác anh C cũng không có ý kiến gì về con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao các con cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 người con tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/5/2012, giới tính nam và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 11/8/2014, giới tính nữ cho chị Đỗ Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh C không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Hồng P phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000636 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh KG.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án sơ thẩm (ngày 14/8/2024). Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh